

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HSST.

Ngày: 09 - 01 - 2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyện.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Xuân Thắng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Phạm Thanh M, sinh năm: 1991 tại : huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn B, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; Trình độ văn hóa: 10/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Phạm Thanh M1, sinh năm 1956 và con bà Phạm Thị C, sinh năm 1956, hiện trú tại: Thôn B, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ con. Bị cáo hiện đang tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar (*Có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Chị Hồ Thị T. Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn 13, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

- Người làm chứng: Chị Hồ Thị Như Q.

Nơi cư trú: Thôn 13, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 25/3/2017, Phạm Thanh M đi đến trước nhà chị Hồ Thị T ở thôn 13, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk để đón xe ô tô khách đi huyện

M. Khi đang đứng chờ đón xe, thấy nhà chị T mở cửa, vợ chồng chị T đi vắng, chỉ có cháu Đặng Văn L, sinh năm 2007 (con trai chị T) đang ngồi ở trước nhà nên M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. M đi vào nhà của chị T, mở cửa phòng ngủ đi vào trong tìm kiếm tài sản. Thấy tủ gỗ để trên kết sắt trong phòng ngủ không khóa, M đi đến mở cửa tủ, lục tìm và lấy trộm 02 dây chuyền và 01 nhẫn vàng để trong tủ rồi đóng cửa tủ lại và đi ra ngoài tiếp tục đón xe đi huyện M. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe khách chở M đến thị trấn EK, huyện EK thì M xuống xe và đi đến tiệm vàng KQ ở chợ thị trấn EK bán 01 nhẫn vàng với giá 2.968.000 đồng, sau đó M tiếp tục đón xe đi huyện M. Đến ngày 11/4/2017, do hết tiền tiêu xài, M tiếp tục mang 02 dây chuyền trộm cắp của gia đình chị T đến tiệm vàng TS ở thị trấn M, huyện M bán với giá 11.050.000 đồng.

Ngày 13/4/2017, Cơ quan điều tra triệu tập M lên làm việc, quá trình làm việc M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời tự nguyện chuộc lại 02 sợi dây chuyền vàng đã bán tại tiệm vàng TS về nộp cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chữ 99PH, bị đứt móc chốt, đã qua sử dụng, 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chữ DP9K, bị đứt móc chốt, đã qua sử dụng. Đối với chiếc nhẫn vàng mà Phạm Thanh M bán cho tiệm vàng KQ, sau khi mua của M tiệm vàng KQ đã giao dịch kinh doanh, quá trình điều tra không thu giữ lại được.

Tại bản kết quả thử nghiệm số 21092017/05/PNJL-TNV ngày 21/9/2017 của công ty TNHH MTV giám định PNJ kết luận: dây chuyền bằng kim loại màu vàng đã qua sử dụng, bị đứt móc chốt, trên dây có ký hiệu 99HP, có trọng lượng 3,004 chỉ, hàm lượng vàng 97,65%; dây chuyền màu vàng đã qua sử dụng, bị đứt móc chốt, trên dây có ký hiệu DP9K, có trọng lượng 1,187 chỉ, hàm lượng vàng 39,68% .

Tại bản kết luận định giá số 52 ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản số 293 huyện Ea Kar kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng đã qua sử dụng, bị đứt móc chốt, trên dây có ký hiệu 99PH, trọng lượng 3,004 chỉ, hàm lượng vàng 97,65% tại thời điểm ngày 25/3/2017 có giá trị 10.177.552 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng đã qua sử dụng, bị đứt móc nối, trên dây có ký hiệu DP9K, trọng lượng 1, 187 chỉ, hàm lượng vàng 39,68% tại thời điểm 25/3/2017, trị giá bằng 1.634.499 đồng, 01 nhẫn vàng mặt đá màu xanh, nhãn hiệu Thanh Danh, loại vàng Sài Gòn, trọng lượng 1,65 chỉ tại thời điểm 25/3/2017, trị giá bằng 2.968.000 đồng. Tổng cộng trị giá: 14.780.051 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 dây chuyền vàng cho chị Hồ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp, đối với 01 nhẫn vàng mặt màu đá xanh, nhãn hiệu Thanh Danh do không truy thu được vật chứng nên bản thân bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị T số tiền tương ứng và được chị T viết đơn bãi nại.

Tại bản cáo trạng số 68/KSĐT-HS, ngày 23 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Phạm Thanh M về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009.

Qua phần thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vào khoảng 09 giờ 00 ngày 25/3/2017, do thấy nhà chị T không có người ở nhà, nên bị cáo đã vào nhà chị T lấy 02 dây chuyền vàng đã bị đứt chốt và 01 chiếc nhẫn của chị T, bị cáo đã bán số dây chuyền và nhẫn để lấy tiền tiêu xài, hiện nay bị cáo đã chuộc lại 02 dây chuyền vàng và bồi hoàn cho gia đình chị T giá trị chiếc nhẫn vàng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố Nhà nước, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thanh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Thanh M từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 02 dây chuyền vàng cho chị Hồ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp, đối với 01 nhẫn vàng mặt màu đá xanh, nhẫn hiệu Thanh Danh do không truy thu được vật chứng và bản thân bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị T số tiền tương ứng và được chị T chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh M xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của

Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ pháp lý khẳng định: Vào ngày 25/3/2017, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Phạm Thanh M đã thực hiện hành vi trộm cắp của chị Hồ Thị T 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chữ 99PH, bị đứt móc chốt, đã qua sử dụng, 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chữ DP9K, bị đứt móc chốt, đã qua sử dụng và 01 nhẫn vàng mặt đá màu xanh, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 14.780.051 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ *Trộm cắp tài sản*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 138 BLHS 1999.

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực hành vi để biết được rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu của người khác, vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại không chịu lao động, nên vào ngày 25/3/2017 bị cáo đã có hành vi trộm cắp 02 sợi dây chuyền vàng và 01 chiếc nhẫn vàng của chị T. Hậu quả gây thiệt hại về giá trị tài sản cho chị T là 14.780.051 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo cần được xử lý nghiêm khắc.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; hành vi trộm cắp của bị cáo gây thiệt hại không lớn, bản thân bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi Cơ quan điều tra mời lên làm việc bị cáo đã tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, cha của bị cáo được Nhà nước trao tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, trong quá trình điều tra người bị hại viết đơn bãi nại nên Hội đồng xét xử áp dụng các

điểm b, g, h, o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy bị cáo M có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội cũng đảm bảo được tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xem xét cho bị cáo Phạm Thanh M được hưởng án treo. Cần giao bị cáo về cho UBND xã EP, huyện EK kết hợp với gia đình quản lý giáo dục cũng đủ điều kiện răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến để giải quyết.

[4] Vật chứng thu giữ: Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 02 dây chuyền vàng cho chị Hồ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp, đối với 01 nhẫn vàng mặt màu đá xanh, nhãn hiệu Thanh Danh do không truy thu được vật chứng và bản thân bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị T số tiền tương ứng và được chị T chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 1, Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, o, p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 Bộ Luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh M 01(Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thanh M cho Ủy ban nhân dân xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Thanh M có thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến để giải quyết.

***Về vật chứng thu giữ:** Căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 02 dây chuyền vàng cho chị Hồ Thị T là chủ sở hữu hợp pháp, đối với 01 nhẫn vàng mặt màu đá xanh, nhẫn hiệu Thanh Danh do không truy thu được vật chứng và bản thân bị cáo đã bồi thường cho gia đình chị T số tiền tương ứng và được chị T chấp nhận.

*** Về án phí:** Bị cáo Phạm Thanh M phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị Hồ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện